TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 19-4-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 6N, ấp N, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Hồng P, sinh năm: 1959 là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024);

Nơi cư trú: Số 367A, ấp N, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh N, sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: Số 156, ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T là ông Lưu Hồng P trình bày:

Do có quen biết với ông Nguyễn Mạnh N nên trong khoảng thời gian từ năm 2020 cho đến ngày 09/3/2021, bà T có cho ông N mượn tiền nhiều lần tổng cộng 770.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng, tuy nhiên từ ngày cho mượn tiền đến ngày 09/3/2021 bà T không có nhận tiền lãi. Do ông Nguyễn Mạnh N không có tiền trả nên vào 09/3/2021, ông N có thỏa thuận với bà T là chuyển nhượng 02 thửa đất để trừ toàn bộ số nợ trên (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13, diện tích 68,1 m^2 thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, diện tích 850,2 m^2, cùng tọa lạc tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Hai bên chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 09/3/2021 số công chứng, 478, quyển số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD, giá chuyển nhượng ghi trong hợp đồng này chỉ 50.000.000 đồng. Việc ông Nguyễn Mạnh N mượn số tiền 770.000.000 đồng và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa đất nói trên trong quá trình giải quyết vụ án được ghi nhận tại Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2024/DS-PT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Mạnh N thừa nhận việc mượn số tiền 770.000.000 đồng của bà T, do không có tiền nên ông chuyển nhượng để trừ số tiền đã mượn. Do ông Nguyễn Mạnh N chưa dọn tài sản ra khỏi đất mà ông đã chuyển nhượng cho bà T nên vào ngày 18/01/2022 ông Nguyễn Mạnh N và bà T có làm một giấy thỏa thuận xác nhận lại việc ông Nguyễn Mạnh N có mượn bà T 770.000.000 đồng và hứa sẽ thu xếp dọn đi để giao nhà và bà T sẽ đưa cho ông thêm 40.000.000 đồng. Sau đó vào ngày 11/3/2022, bà T chuyển nhượng toàn bộ 02 thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Minh Đ (Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 177A, Khu phố B, Phường T, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre với giá 600.000.0000 đồng. Tuy nhiên sau đó, ông Nguyễn Minh Đ đã khởi kiện ông Nguyễn Mạnh N và bà Nguyễn Thị L đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để yêu cầu ông N và bà L giao tài sản đất và nhà cho ông Đ vì ông đã nhận chuyển nhượng của bà T.

Theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2024/DS-PT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã

tuyên bố 02 hợp đồng chuyển nhượng giữa bà T với ông N và bà T với ông Đ là vô hiệu. Cụ thể tại Bản án phúc thẩm có tuyên:

"..Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/3/2021 giữa ông Nguyễn Mạnh N với bà Lê Thị Hồng T đối với thửa đất số 41, DT: 68,1m^2 và thửa đất 171 DT: 850,2m^2 cùng tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre số công chứng 478, quyển số 03/2021 TB/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

Ghi nhận ông Nguyễn Mạnh N và bà Lê Thị Hồng T không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Các bên có quyền thỏa thuận với nhau về việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác...)"

"...Ông Nguyễn Mạnh N có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 41, DT: 68,1m^2 và thửa đất 171 DT: 850,2m^2 cùng tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cho phù hợp với nội dung bản án...".

Theo Bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã tuyên chưa giải quyết số tiền 770.000.000 đồng mà ông N đã vay của bà T. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có yêu cầu ông N trả số tiền trên nhưng ông N không thực hiện. Vì vậy, bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh N trả số tiền đã vay là 770.000.000 đồng và tiền lãi suất với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/4/2024 là: 770.000.000 đồng x (03 năm 01 tháng 10 ngày) x 10%/năm = 239.555.500 đồng. Tổng cộng: 1.009.555.500 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Mạnh N đến để tiến hành hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Mạnh N trả số tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với số tiền vốn gốc: Theo giấy thoả thuận ngày 18/01/2022 âm lịch có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Mạnh N thể hiện ông N có mượn của bà Lê Thị Hồng T số tiền 770.000.000 đồng và cam kết sẽ chuyển nhượng đất cho bà T để trừ nợ. Theo lời trình bày của ông Nguyễn Mạnh N được ghi nhận trong Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2023/DS-ST ngày 13/7/2023 của Toà án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre và Bản án dân sự phúc thẩm số 99/2024/DS-PT ngày 29/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã ghi "*…do cần tiền làm ăn nên ông có vay tiền của bà Lê Thị Hồng T vào năm 2020, ban đầu ông vay vài chục triệu đồng, khi vay tiền các bên có làm giấy tờ vay nhưng hiện nay ông đã thất lạc. Sau đó, cần vốn nhiều nên ông vay thêm của bà T số tiền 770.000.000 đồng*"…, *"...Do số tiền vay nhiều, bà T yêu cầu ông thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất 41, 171 tờ bản đồ số 13 tại xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, nhưng khi công chứng hợp đồng để đảm bảo cho khoản vay 770.000.000 đồng thì các bên không tiến hành ký hợp đồng thế chấp mà lại ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa đất nêu trên vào ngày 09/3/2021 tại Văn phòng công chứng T..."* và *"...Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, nếu bà T có yêu cầu trả tiền vay thì ông đồng ý trả lại cho bà T số tiền vay, bà T phải sang tên lại quyền sử dụng đất cho ông..."*. Xét thấy, theo giấy thoả thuận ngày 18/01/2022 âm lịch có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Mạnh N và lời trình bày của ông N tại các Bản án sơ, phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật thể hiện ông N có vay của bà T số tiền 770.000.000 đồng và ông N đồng ý trả số tiền đã vay trên cho bà T, đồng thời Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án để ông N biết yêu cầu khởi kiện của bà T và Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông N vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông N đã thừa nhận nợ và đồng ý theo yêu cầu của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả số tiền nợ gốc đã vay là 770.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với số tiền lãi suất: Bà Lê Thị Hồng T yêu cầu ông Nguyễn Mạnh N trả tiền lãi suất với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/3/2021 (ngày ông N thừa nhận cùng với bà T ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho việc vay tiền), mức lãi suất bà T yêu cầu là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự và thời điểm bà T yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với lời trình bày của ông N được ghi nhận trong các bản án, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó lãi suất từ ngày 09/3/2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/4/2024 thì ông N phải trả cho bà T số tiền lãi suất như sau: 770.000.000 đồng x 10%/năm x (03 năm 01 tháng 10 ngày) = 239.555.500 đồng.

[3.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T, buộc ông Nguyễn Mạnh N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Hồng T tổng số tiền 1.009.555.500 đồng, bao gồm: 770.000.000 đồng tiền vốn gốc và 239.555.500 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T được chấp nhận nên ông Nguyễn Mạnh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 + (209.555.500 đồng x 3%) = 42.286.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T đối với ông Nguyễn Mạnh N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Mạnh N có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền 1.009.555.500 (Một tỷ, không trăm, lẽ chín triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Mạnh N phải nộp 42.286.600 (Bốn mươi hai triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm) đồng.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Lê Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.919.000 (Hai mươi triệu, chín trăm mười chín nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001070 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Mạnh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út